

PHỤ LỤC TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của UBND huyện Bình Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 tại Nghị quyết số 23/NQ-HĐND, 32/NQ-HĐND			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung			Kế hoạch đầu tư công trung hạn GD 2021-2025 sau điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú
		Tổng số	NSTW, Tỉnh	NS huyện	Tổng số	NSTW, NST	NS huyện	Tổng số	NSTW, Tỉnh	NS huyện	
	TỔNG CỘNG	362.842,0	262.867,6	99.974,4	30.124,9	24.245,0	5.879,9	392.966,9	287.112,6	105.854,3	
I	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các xã	267.972,0	216.367,6	51.604,4	30.124,9	24.245,0	5.879,9	298.096,9	240.612,6	57.484,3	
1	Bổ trí chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020	49.668,6	36.126,0	13.542,6				49.668,6	36.126,0	13.542,6	
2	Bổ trí giai đoạn 2021-2025	218.303,4	180.241,6	38.061,8	30.124,9	24.245,0	5.879,9	248.428,3	204.486,6	43.941,7	
-	Bổ trí trả nợ cho 03 xã (năm 2021)	55.092,0	43.200,0	11.892,0				55.092,0	43.200,0	11.892,0	
-	Bổ trí cho các địa phương giai đoạn 2022-2025	163.211,4	137.041,6	26.169,8	30.124,9	24.245,0	5.879,9	193.336,3	161.286,6	32.049,7	
	<i>Trong đó:</i>										
+	Bổ sung vốn cho 06 xã				5.188,6	4.245,0	943,6	5.188,6	4.245,0	943,6	Phụ lục số 01
+	Bổ sung vốn cho xã Bình An				24.936,3	20.000,0	4.936,3	24.936,3	20.000,0	4.936,3	Phụ lục số 02
II	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (huyện nông thôn mới)	87.520,0	42.000,0	45.520,0				87.520,0	42.000,0	45.520,0	
III	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Chương trình phát triển kinh tế tập thể, HTX)	4.500,0	4.500,0					4.500,0	4.500,0	0,0	
IV	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (Đổi ứng công trình cấp nước sạch nông thôn)	2.850,0		2.850,0				2.850,0	0,0	2.850,0	